

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Kinh Tướng (Lakkhana Sutta) 1

[22/09/2023 - 10:06 - ngoc_ngopham]

Kinh Tướng,

Hôm qua, trong bài giải thích Kinh Thanh Tịnh, chúng tôi có dẫn đo - giảng xong rồi trong bụng không yên. Giảng xong rồi, nghĩ rằng thế nào cũng có người liếc mắt qua Kinh đó một chút, liếc mắt qua phần Chú giải rồi thắc mắc sao có một số chuyện thấy rõ ràng, chúng tôi lại không nhắc tới.

Vì mục đích chính của chúng tôi ngày hôm qua là giảng nội dung cốt lõi của Kinh còn phần râu ria, chúng tôi không nhắc tới. Nhưng suy nghĩ lại, chúng tôi cũng nên nhắc một chút.

Tức là ngày hôm qua, duyên sự bài Kinh trong Chú giải nói rằng ông Giáo chủ Nigantha Ni Kiền Tử mất có để lại trong một sự rối loạn trong môn đồ giáo chúng.

Rồi Ngài Cunda là em út của Ngài Xá Lợi Phất trong lúc đi khát thực có nghe được râm ran tin tức ông Giáo chủ mất và câu chuyện đấm môn đồ, giáo chúng bị tan rã, phân ly, chia rẽ.

Ngài về và thừa lại với Ngài Ananda.

Ngài Ananda nói: “Đây là một sự kiện lớn, chúng ta phải trình với Đức Thế Tôn. Bởi vì chắc chắn từ chuyện này, chúng ta sẽ có được một Pháp thoại.”

Trong Chú giải có kể thêm, Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Ananda có một giao tình rất đặc biệt với nhau. Đặc biệt là sao? Hễ Ngài Ananda nhận đệ tử, Ngài sẽ thỉnh Ngài Xá Lợi Phất làm Hòa thượng tế độ, Hòa thượng bốn sư. Khi Ngài Xá Lợi Phất có nhận ai, Ngài sẽ giao cho Ngài Ananda, thường là như vậy, Ngài giao cho Ngài Ananda nhiều hơn cho Ngài Mục Kiền Liên.

Ngài Mục Kiền Liên và Ngài Xá Lợi Phất đúng là tri âm, tri kỷ, tri giao. Nhưng Ngài Mục Kiền Liên không có nhiều thời giờ để chăm sóc cho những chuyện mang tính thù tạc, xã giao như vậy. Ngài thường xuyên chìm sâu trong Thiền định hoặc Ngài vân du ba cõi, quân dương chỗ này chỗ kia. Đối với người như Ngài Mục Kiền Liên là người của vũ trụ, chuyện của Ngài làm mình không thể nghĩ bàn được - Đệ Nhất Thần Thông.

Do vậy khi Ngài Cunda có chuyện gì là Ngài chạy về thưa với Ngài Ananda vì Ngài Ananda là bạn thân của Đại Sư huynh mình - là Ngài Xá Lợi Phất - đồng thời cũng là Ngài Hòa thượng bốn sư.

Tiếp theo, trong Chú giải của Kinh Thanh Tịnh có kể một chuyện liên hệ về Ngài Ananda mà chúng tôi thấy không cần thiết nên chúng tôi bỏ qua luôn.

Tức là, không riêng gì Ngài Cunda, những vị Tỷ kheo khác, đối với Ngài Ananda, họ xem Ngài Xá Lợi Phất giống như người thay thế Đức Phật khi Đức Phật vắng nhà. Sau Ngài Xá Lợi Phất, họ xem Ngài Ananda cũng là người họ có thể hỏi han về Giáo lý vì Ngài rất dễ gần, rất friendly, so với các vị

Tôn túc khác, Ngài là người dễ gần nhất, Ngài rất là mềm, rất là ngọt, rất là ấm.

Đồng thời, trong Chú giải, chỗ đó có kể thêm một tình tiết nhỏ.

Một hôm, có một ông Bà La Môn đến hỏi Đức Phật: “Con đã cúng dường Phật Bảo rồi - tức là con cúng dường cho Thế Tôn, con cúng dường cho Tăng Bảo rồi - cúng dường cho các Tỷ kheo rồi. Nhưng con không biết cúng dường cho Pháp Bảo như thế nào?”

Đức Thế Tôn dạy là: “Hãy cúng dường cho các vị Đa văn.” -

Đa văn có nghĩa là một câu văn, một câu kệ có thể hiểu theo nhiều lớp khác nhau- hiểu theo Aṭṭhakathā, hiểu theo Tikā, hiểu theo Kinh Tạng, hiểu A tỳ đàm, hiểu theo Luật.

Ông Bà La Môn hỏi: “Vị nào là vị Đa văn theo Giáo Pháp của Ngài?”

(Chỗ này là chỗ rất đáng để lưu ý.)

Thay vì nói thẳng, Đức Thế Tôn nói: “Người hãy đi hỏi các Tỷ kheo trong các đệ tử của Như Lai ai là người Đa văn.”

Sau khi được ông Bà La Môn hỏi, Chư Tăng đều chỉ về Ngài Ananda.

Ông mới đem một bộ y rất là đắt tiền đến cúng cho Ngài Ananda - gọi là cúng dường Pháp Bảo.

Ngài Ananda mới cầm lá y lên, Ngài suy nghĩ, nếu muốn cúng dường Pháp Bảo phải cúng cho Ngài Xá Lợi Phất hoặc cúng cho Thế Tôn chứ không phải cúng cho mình. Thế là Ngài đem bộ y dâng lại cho Ngài Xá Lợi Phất. Nhưng trước đó Ngài trình Đức Phật: “Bạch Thế Tôn, theo qui định Tỷ kheo phải giữ y dâng. Nhưng vì bộ y này rất quý, con muốn cúng cho Ngài Xá Lợi Phất nhưng theo Luật là không được, vậy con phải làm sao?”

Đức Phật nói: “Được, được. Ta cho phép, trường hợp nhận y ngoại thời là được.” (thời của mình gọi là y ‘secours’).”

Nhân chuyện này, Đức Phật mới cấm chế, cho các vị Tỷ kheo một lối thoát nhỏ xíu - ngoài y căn bản ra, các vị được phép nhận một y dư để phòng ngừa bị mưa, chuột cắn, bị dơ bất ngờ .v.v.

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHỮA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Các vị nhớ điều này rất là quan trọng.

Hôm qua, chúng tôi phân vân khi đang giảng Kinh có nên nhắc chi tiết này hay không (?) bởi vì đối với một số Phật tử là thừa nên bỏ qua. Nhưng sau khi nghĩ lại có hai điều: một là người ta không có dịp để biết; hai là người nào biết, họ nói mình giảng thiếu.

Bây giờ, mình qua Kinh khác. Đó là Tướng Kinh - Lakkhana Sutta

Tướng Kinh trong Kinh điển mình khác ngoài đời chỗ này.

Ngoài đời, như Ma y Thần tướng bên Tàu chẳng hạn, người ta chỉ nói chung chung hoặc lấy kinh nghiệm từ đời này qua đời khác đúc kết lại. Mỗi người đúc kết một kiểu khác nhau nhưng không rõ như là Kinh Phật.

Theo tinh thần Kinh Phật, cơ thể chúng ta như thế nào, bên ngoài có biểu hiện tương ứng. Không chỉ riêng về sức khỏe của mình biểu hiện qua màu da, màu tóc, móng tay, tóc, qua mùi hơi thở... đến cả thời tiết, khí hậu cũng ảnh hưởng lên cơ thể của mình. Ví dụ như mình ở xứ lạnh nhưng không dùng kem thoa da khô, kem dưỡng môi... ta cũng bị ảnh hưởng...

Theo Kinh Phật, tiền nghiệp cũng để lại những dấu ấn trên cơ thể chúng ta và hiện nghiệp, tình trạng tâm lý trong hiện tại cũng để lại dấu ấn trên cơ thể chúng ta. Trong A tỳ đàm gọi đó là Tâm tạo Sắc tâm.

Tôi nhắc lại thực phẩm, thời tiết, tình trạng sức khỏe để lại dấu ấn trên cơ thể mình. Tiền nghiệp quá khứ, tâm trạng buồn vui, thiện ác hiện tại cũng để lại những dấu ấn trên cơ thể chúng ta. Và, trong bài Kinh này, chỉ đặc biệt nói nhiều về một trường hợp là Tiền nghiệp. Là sao? Tiền nghiệp là nghiệp thiện ác đời trước hoàn toàn để lại những dấu ấn, những tín hiệu trên tám thân đời này.

Đặc biệt ở cõi Dục giới - tức là Chư Thiên ở cõi Dạ ma, Đâu suất, Hóa lạc thiên... hoặc là Nhân loại, các loại bàng sanh, nói chung là cõi Dục giới, dấu vết của Tiền nghiệp hằn lên sắc diện của mình rõ hơn ở cõi Sắc và Vô sắc.

Vô sắc khỏi nói rồi vì họ đâu có Danh Sắc Tướng.

Cõi Sắc giới, hầu như các vị đều giống nhau hết, chỉ khác nhau ở các vị Phạm Thiên có hào quang nhiều hoặc ít.

Còn riêng ở cõi Dục, dấu hằn của Tiền nghiệp để lại trên thân xác của chúng ta rõ lắm.

Thí dụ như: các vị còn nhớ vị Tiên trên trời tên (tiếng Pali)... Sikha - tóc đào, tóc mặn, tóc có năm chỏm (như hình các đứa bé trong Phúc Lộc Thọ của Tàu hay của người Nam bộ xưa...). Trên cõi Đạo Lợi có một vị Trời có năm chỏm tóc như vậy. Do Tiền nghiệp xưa, ông chết trẻ ở cõi người, ông làm nhiều công đức, phụng vụ... ông chết đi trong một tâm hồn thơ dai, hồn nhiên, thơ ngây, tin cậy, tin yêu cuộc đời... và ông ra đi ở tuổi đó nên khi về Trời ông có một thân xác tương ứng.

Vậy nên Tiền nghiệp để lại một dấu hằn trong ngoại diện của chúng ta.

Chú giải có viết về Duyên sự của Kinh này.

Hôm đó, Ngài Ananda đi bát và nghe người ta nói nhiều về Hảo tướng của Thế Tôn: Trong các vị Giáo chủ Thế Tôn là người đặc biệt nhất, là người đẹp nhất... Và Ngài Ananda về thưa với Đức Phật.

Nhân duyên sự đó, Đức Phật giảng về Tướng Kinh.

Tất cả Chư Phật trong ba đời, mười phương đều có hảo tướng giống nhau. Nhân chuyện kể lại của Ngài Ananda, Đức Phật giảng cho Chư Tăng nghe về Tướng tốt của Chư Phật.

Tướng 1: suppatitthiapāda:

1.Mô tả Tướng: suppatitthiapāda - lòng bàn chân bằng phẳng giúp việc đi đứng vững vàng hơn thường.

Ngài đứng vững hơn bình thường, Ngài đi cũng vững hơn bình thường.

Người như mình, lòng bàn chân bị lõm (phát âm của người Bắc), hõm (người Nam).

Trong Kinh nói, nếu Ngài muốn, bàn chân của Ngài cũng giống như con dấu, có thể in dấu lên nền đất ướt, mịn như ta đóng dấu, đóng mộc. Người nhân loại như mình để bàn chân lên sẽ bị lõm.

2.Tiền nghiệp: dalhasamadano - đạo hạnh kiên trì, đã phát tâm không thoái thất.

Dalha = stable; samadāna = practice, virtue. Nghĩa là đạo hạnh của các Ngài rất là stable.

Ví dụ trong đây có nói Ngài đã thọ bát quan rồi, trời có sập xuống, Ngài cũng không hủy những Giới mình đã ... Bồ thí cũng vậy, Ngài đã có lòng bồ thí - mỗi tháng bao nhiêu lần, cho ai (??), Trời có sập Ngài cũng không đổi ý.

Còn như mình, có lòng phát tâm, nhưng khi nghe ông nói ra, bà nói vào là mình do dự. 19:56

Trong Kinh kể lần đó có một vị Độc Giác vừa xả Thiên Diệt, Ngài suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ nhận được thực phẩm của ai? Vì nếu không có thức ăn trong hôm nay, ta sẽ viên tịch."

Và nhìn quanh, Ngài thấy một việc rất ly kỳ - Ngài thấy trong cả hành tinh này (nghe câu chuyện này rất xúc động nếu các vị có lòng tin Phật), bất cứ nơi nào Ngài đến cũng không nhận được thức ăn.

LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

Vì sao vậy? Vì ác ma hôm đó cố ý phá Ngài, phá như thế nào (?)

1. Che khuất không cho thấy Ngài;
2. Dù có thấy cũng làm lơ, không nghĩ đến chuyện để bát;
3. Khi ai cố ý li lợm, kiên tâm để bát, ác ma sẽ làm đủ trò dọa họ kinh sợ để họ không dám để bát.

Và Ngài biết hôm nay trong trời đất này chỉ có một Người duy nhất sông cạn đá mòn không bỏ Ngài (đọc chỗ này rất là thương)

Thế là Ngài ôm bát đi thẳng đến nhà ông Bá hộ - Ông Bá hộ này đã tu tập nhiều đời, nhìn thấy Ngài phát tín tâm.

Lúc đó ác ma dùng thần thông ám tâm ông nhưng không được, che mắt cũng không được, đã che cho ông đừng nhìn Ngài, nếu có thấy phải làm lơ nhưng ông Bá hộ vẫn không lơ. Ông Bá hộ vẫn phát bồ đề tâm cúng cơm cho Ngài. Ác ma mới nghĩ, bây giờ đòn quyết liệt khi ông Bá hộ cầm bát cơm ra để bát, khoảng cách với Phật Độc Giác còn khoảng năm bước, giữa hai người có một cái hố đầy than đỏ rùng rục như là đất bị nứt và lửa xanh thẳm dưới địa ngục phun lên.

Ông Bá hộ - chính là Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni - nhìn thấy hố lửa là Ngài biết có chuyện rồi, và Ngài nghĩ rất nhanh đến một chuyện rất đẹp: “Hôm nay ba Bậc Đại nhân sẽ gặp nhau: Bậc Đại Giác là một vị Đại nhân; Bản thân mình nếu sợ chuyện này, mình cũng rất tầm thường. Đặc biệt là mình không sợ. Tên ác ma nào dám đụng đến vị Độc Giác cũng không phải là ác ma tầm thường. Cho nên mình không thể nào rút lui khỏi con số Ba đó được. Vì hôm nay mình rút ai sẽ cứu mạng cho vị Phật Độc Giác này.”

Nghĩ như thế, Ngài mới nói với vị Phật Độc Giác: “Con có vì bữa ăn này cúng dường cho Ngài mà con dọa Địa ngục, con cũng cúng, chứ đừng nói đến chuyện con té xuống hố này và chết.”

Nói vừa xong, Ngài Bồ Tát ôm bát cơm đi thẳng qua hố than !!!

Còn mình thì sao.

Sáng nay phát tín tâm muốn làm gì đó: bố thí, cúng dường, trì giới... rồi vợ kêu, chồng réo, con khóc, hàng xóm điện thoại, bạn bè email, facebook ... làm cho tín tâm dao động, trí tuệ lu mờ, lòng hoan hỷ tan tác như hoa rơi trước gió - đó là kiểu tu của mình.

Còn Ngài thì không, Ngài nói, hôm nay có vị ba vị Đại nhân nên ta không thể rút lui khỏi sự vụ này và ôm bát đi thẳng qua hố than.

Dĩ nhiên các vị biết Đức Phật Độc Giác đứng ở đó làm sao để cho vị Bồ Tát bị chuyện được.

Trong Kinh nói, dù cho là Tam thiên, Đại thiên thế giới, nếu không phải là Nghiệp đời trước thì thần thông của vị Độc Giác, Phạm Thiên, Ma Vương, Đế Thích có xếp hàng cũng chưa bằng cái móng tay của Phật Độc Giác.

Nên khi Vị Phật Độc Giác nhận được bát cơm, ngay trước mặt Ngài đọc tụng bài kệ Tùy hỷ công đức.

Ngài đi về ... để chia lại cơm cho năm trăm vị khác.

Ác ma thiên tử lập tức biến mất và biết rằng hôm nay trong cuộc hội ngộ giữa ba vị Đại nhân này mình là người thua cuộc.

Dalhasamadano là phát nguyện rồi là tín tâm bất thối.

Chính vì vậy, với tiền nghiệp tạo hạnh kiên trì, đã phát nguyện là không bao giờ thối thất. Do tiền nghiệp đó đời sau Ngài sinh ra có lòng bàn chân bằng phẳng, đi đứng vững vàng hơn người.

Và tác dụng phụ của người có bàn chân, có tướng này là làm được việc gì?

3. Hiện báo: có đông tùy chúng (người tháp tùng), bát bộ thiên long, trời người, muông thú

Tướng 2: Padatalacakka - lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn cãm

1. Mô tả: lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn cãm, ngàn cái vân. Trong Kinh còn nói có hình hao hao như 108 con thú vậy - chuyện đó li ti mình không nói.

2. Tiền nghiệp: gánh nạn cho đời. Dưới lòng bàn chân của Ngài có hình bánh xe cho thấy tiền nghiệp của Ngài thường đem lại sự an lành và an tâm cho người khác. Thí dụ, trong nhiều kiếp, Ngài dắt người ta đi buôn, đi chạy giặc, đi lánh nạn... lúc nào có Ngài, nguy hiểm cũng về phía Ngài và Ngài gánh. Lại vậy đó. Mỗi lần gặp chuyện, chỗ nguy hiểm là Ngài đứng đó, Ngài lấy thân Ngài trấn chỗ đó cho mọi người thoát nạn. Không như mình cứ thích đứng đầu nhưng có chuyện lại bỏ chạy. Còn Bồ Tát Chánh Đẳng Giác thì không, cứ dẫn đầu và nguy hiểm là xông pha lửa đạn, đầu sóng ngọn gió, lúc nào cũng đi đầu gánh nạn cho dân quần chúng sanh.

3. Hiện báo: Chính vì vậy, Ngài có được Tướng này nên luôn được sống lâu, trường thọ.

Tướng 3: ayatapannhi

1. Mô tả: gót chân dài hơn người.

2. Tiền nghiệp: hạn chế tối đa việc sát sanh như có thể (như có thể: né được bao nhiêu thì né)

LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

Sẵn đây tôi nói cho bà con nghe một chuyện hết hồn chơi cho vui.

Thời gian Bồ Tát Ngài phát nguyện trở thành Chánh Đẳng Chánh Giác, hành trì Ba la mật, thời gian đó - chuyện này không thể không nói, không nói bà con không nghe bà con không nể, phải nể Ngài mới được - tổng thời gian Ngài phát tâm nguyện trở thành Phật Chánh Đẳng Chánh Giác cho đến lúc Ngài thành Phật, thời gian Ngài làm cư sĩ nhiều gấp ngàn tỉ lần thời gian Ngài xuất gia.

Vì sao? Chúng ta có không biết gì đi nữa, trong suốt 4 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp chỉ có 25 vị Phật thôi. 1 A tăng kỳ = 10140,. Không biết bao nhiêu đại kiếp mà nói, Phật chỉ có 25 mà không phải gặp Phật nào Ngài cũng đi xuất gia. Dầu cho Phật có Niết bàn rồi Ngài đi xuất gia, tổng cộng lại số lần Bồ Tát làm Tỳ kheo hoàn toàn có thể đếm được. Dĩ nhiên, mình chỉ kể thời gian Ngài hành ba la mật thôi, còn vòng sinh tử luân hồi vô số kiếp dài quá - nước mắt mình nhiều hơn nước biển, sữa mình bú mẹ nhiều hơn bốn biển, máu và mồ hôi mình đổ ra nhiều hơn bốn biển. Trong thời gian Ngài làm Bồ tát, thời gian Ngài xuất gia hiếm hơn thời gian Ngài làm cư sĩ - chỉ là 1 phần nhiều tỉ. Cho nên việc Ngài hạn chế sát sanh là mình phải nể nhiều lắm bởi vì cư sĩ mà hạn chế sát sanh không dễ.

Sẵn đây, tôi nói luôn, nhiều Phật tử mình cứ nghĩ rằng, tôi vô phước vô phần mới làm cư sĩ, tôi phải chấp nhận có chồng, có vợ có con, tôi có quyền dốt Phật pháp, tôi có quyền dễ người - đó là nghĩ tào lao. Vì sao? Thứ nhất, trên đường sinh tử luân hồi, Tăng và tục giống nhau y chang, có khác nhau là ở cái đầu tóc thôi. Nghĩa là, nếu người cư sĩ mà tu tinh tấn cũng không khác gì Tăng. Chính vì vậy, bây giờ nảy ra một sự kiện là Tỳ kheo Ni đã mất rồi mà đấu tranh làm chi, một khi anh muốn tái hiện, khôi phục Tỳ kheo Ni, anh phải hội đủ các điều kiện, nhưng nếu không có đủ điều kiện thì đừng làm chi. Đồng thời người nữ có lòng tu tập cũng có thể tu ngon lành. Cho nên mình chỉ nhớ là hình thức là cư sĩ nhưng một khi đã muốn rồi là tu hành không thua ai hết.

Bằng chứng là trong thời gian Bồ tát hành ba la mật, 99% thời gian là cư sĩ.

Chuyện này quan trọng nên coi Kinh phải hiểu và suy lý, đừng coi Kinh như em bé mẫu giáo là không được.

3. Hiện báo: đời này đao thương bất nhập, bách độc bất xâm.

Đề Bà Đạt Đa cố ý giết Ngài đã dùng trăm mưu ngàn kế. Ông thuê 16 sát thủ chuyên nghiệp nhưng không giết được. Rồi thả voi điên, cũng không giết được. Rồi ông cho thả đá, nhưng Ngài chỉ bị một mảnh vụn nhỏ xíu xém nhẹ dưới chân chảy máu hơi nhiều. Chỉ vậy thôi.

Riêng chuyện này để lại nhiều giai thoại, vết thương đó, viên đá mẻ phang vô đầu ngón cái sưng lên, ông lương y Jivaka dùng dao rạch lấy máu bầm, rồi bó thuốc cho Ngài. Ông bó bằng một loại thuốc đặc biệt, có khả năng sát trùng, làm lành. Nhưng có điều thuốc đó phải tháo ra trong thời gian bao nhiêu tiếng đó và ông đi, xui một chỗ là khi ông đi vào trong Thành, ông mới quên, lúc trở ra thì Thành đóng cửa. Ông phân vân không biết làm sao, lòng lo âu của ông đã chiêu cảm được Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bèn nói Ngài Ananda tháo thuốc ra, để lâu nó hành vết thương. Lúc ra được Thành, gặp Đức Phật ông vui quá và nói: “Con thương Đức Thế Tôn nên con lo chứ con biết Đạo Sư của con tự xử lý được.” 40:45

Tướng 4: sattussadatāla

1. Mô tả: không bị khuyết lõm ở bảy (7) điểm thường thấy ở người khác. Satta: bảy; ussada: hõm, lõm. Ngài tròn đầy ở bảy chỗ, Ngài không bị ở hai tay, hai chân, thân hình không bị hõm. Ví dụ các vị đứng thẳng người, rồi tôi rót nước đổ từ trên xuống, thế nào cũng có chỗ đọng nước ở hai hốc vai (hai cái hang cua). Ngài thì không, lòng bàn tay, lòng bàn chân hoàn toàn tròn đầy không có chỗ lõm.

2. Tiền nghiệp: Ngài thảo ăn nghĩa là thường tìm dịp bố thí món ngon vật lạ, trên cả thảo ăn nữa.

Có ba loại bố thí: 1. nô lệ thí (dasadana)- cho thứ kém hơn món mình dùng; 2. bằng hữu thí (sahayadana)- mình dùng cỡ nào mình cho cỡ đó; 3. chủ nhân thí (samidana) - mình bố thí cái tốt hơn thứ mình xài.

Sami có 2 nghĩa là ‘chồng’ và ‘chủ’. Ngay cả bên tiếng Đức hay tiếng Anh có một điểm đặc biệt là chữ Men có 2 nghĩa ‘đàn ông’ theo giới tính, hay ‘đàn ông’ trong quan hệ hôn nhân tương tự như chữ Sami. Trong tiếng Pali có nhiều từ đặc biệt, ví dụ như từ padacariya - pada là ‘chân’; padacariya là ‘người hầu hạ dưới chân’ đồng nghĩa với dara là ‘vợ’; bhariya có nghĩa là ‘người gồng gánh cái gánh nặng bên giang sơn nhà chồng’, còn có nghĩa nữa là ‘gánh nặng cho chồng’.

Vậy mình nhớ, Bồ Tát rất thảo ăn, thường cho người khác thứ tốt nên ở kiếp chót Ngài sanh ra có được Tướng như vậy.

3. Hiện báo: được nhận những thứ sơn hào, hải vị đời này. Trong Kinh nói, bữa ăn nào của Thế Tôn cũng có Chư Thiên trong vô lượng vũ trụ đem đồ ăn bỏ vào trong đó. Đặc biệt như vậy. Và Thế Tôn được cúng dường thức ăn nhiều vô số kể.

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Cách đây một hai hôm tôi có kể cho một cô Phật tử nghe câu chuyện này.

Lần đó, có một lễ hội kéo dài bảy ngày, nam thanh nữ tú, dập dìu tào từ giai nhân, ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Mọi người tràn ngoài phố đi chơi, ca hát, nhậu nhẹt, la giỡn um sùm...

Phật tử như ông Cấp Cô Độc, bà Visākhā, ông Jīvaka... vô chùa lạy Phật: “Bạch Thế Tôn, đang dịp lễ hội nên ngoài đường đang tập trung vui chơi. Chúng con xin Đức Thế Tôn và Chư Tăng tại vị ở chùa. Chúng con sẽ tùy duyên gom góp thực phẩm cúng dường vì ra đường rất là bất tiện. Có thể có những sự phạm thượng, mạo phạm đến Tăng chúng và Thế Tôn.”

Đức Phật nhận lời, và không đi: “Nếu vậy, Như Lai ở nhà.”

Bữa đầu tiên, Ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ: “Người ta vô thính như vậy nhưng không biết có cúng không (?) Thôi thì bữa nay, ta sẽ là người đầu tiên cúng dường Đức Thế Tôn.”

Tại sao Ngài Mục Kiền Liên lại có suy nghĩ như vậy ?

Bởi vì Đức Thế Tôn có những người đệ tử ... và xuất sắc. Họ đến họ thính Ngài thế này: “Thưa Ngài, từ đây cho đến lúc Ngài tịch; từ đây cho đến lúc con chết; từ đây cho đến lúc con tán gia bại sản, tiêu tan sự nghiệp. Nếu khi nào ba điều này chưa xảy ra, con sẽ không thính Ngài lần nào nữa. Bất cứ khi nào Ngài cần bất cứ thứ gì về thực phẩm, thuốc men, trú xứ, y áo... con lạy Ngài nói thẳng với con chứ không yêu cầu từng món, - những Vị như Đức Phật, Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ananda, Ca Diếp đều có những vị Đệ tử ... như vậy đó - thính một lần thôi. Đặc biệt có những lần khó xử Ngài không tiện nói ai, Ngài cứ đến đập cửa nhắc con. Đó là Ngài cho con chứ không phải con cúng Ngài.”

Hôm nay cũng vậy, Ngài Mục Kiền Liên nghĩ trưa nay Thế Tôn dùng gì (?) Ngài nghĩ hôm nay ta sẽ cúng dường Thế Tôn và ôm bát đi thẳng đến nhà ông Đệ tử ruột, đến nơi Ngài chỉ đứng trước nhà không nói gì cả (không phải như mình tưởng tượng Ngài sẽ đi thẳng vào nhà...). Phật Pháp có luật buộc vị Tỳ kheo luôn luôn sống khách sáo.

Vị Đệ tử thấy Ngài đứng trước nhà, mừng quá, ra rước bát vào. Ông mới kêu người đầu bếp làm bữa ăn ‘thiên thượng thiên hạ’, chỉ một món đó thôi, chỉ một người đó thôi. Bữa ăn nấu xong ông đặt vào bát cúng dường cho Ngài.

Khi Ngài nhận xong, ông thấy hình như Ngài có vẻ Ngài muốn đi (Pali gamanakarana), ông mới hỏi: “Tại sao Ngài không dùng mà lại đi?”

Ngài Mục Kiền Liên trả lời: “Hôm nay Đức Thế Tôn không đi bát nên ta đem về cúng dường cho Đức Thế Tôn.”

Ông liền nói: “Thưa Ngài, Ngài chỉ cần nói một tiếng, năm phần mười phần còn có. Tại sao Ngài làm khó con làm chi? Con thính Ngài ở đây dùng giùm con, con sẽ chuẩn bị phần khác.”

Ngài dùng xong rồi, ông mới rửa bình bát thật sạch rồi mới để phần ăn thứ hai vào cúng cho Ngài và Ngài đem về dâng cho Phật. Phần thức ăn đó hơi nhiều.

(Sẵn đây tôi nói một số chuyện bà con chắc chưa có dịp nghe. Là mình, thời mình mang tiếng đi bát, thực ra mang về, mình lựa món nào thích mình mới ăn, món nào ok ăn trước, có món để lại, có món ăn sau).

Nhưng trong Kinh nói, Ngài ăn lần lượt từ trên xuống, gắp món gì trước Ngài dùng trước món đó. Ăn như vậy để cầu no chứ không phải cầu ngon. Đó là những chuyện mà mình không biết.

Phần ăn Ngài Mục Kiền Liên đem về cúng dường hơi nhiều, Đức Phật dùng không hết. Lẽ ra Ngài để lại cho Ngài Ananda rửa bát nhưng không, Ngài nói Ngài Ananda để lại đó.

Trong vòng ba seconds sau ông vua A Xà Thế vô hầu Phật.

Vua hỏi: “Bạch Thế Tôn, Ngài đã dùng ngọc chưa?”

Thế Tôn trả lời: “Như Lai đã dùng.”

Vua A Xà Thế nói: “Bạch Thế Tôn, con nghe mùi thức ăn thơm quá nên con cảm thấy đói bụng.”

Đức Phật nghe vậy liền nói Ngài Ananda đem phần thức ăn dư trong bát ra cho vua A Xà Thế. Vua ăn phần cơm dư của Đức Phật, vừa ăn vừa ngạc nhiên bởi vì thức ăn quá sức ngon.

Vua mới hỏi: “Có phải hôm nay Thế Tôn đi khát thực ở Bắc Câu Lưu Châu không?” - nghĩa là đi nhận thức ăn ở một hành tinh khác chứ không phải ở đây.

Đức Phật trả lời: “Không. Thức ăn của một người cư sĩ ở ngay trong thành phố này, là thần dân của Đại vương đó.”

Vua nói: “Con không thể nào tưởng tượng được ngay trong thành phố này dưới chân Thiên tử là con, có một gã thường dân ăn ngon hơn vua nữa. Con rất muốn biết người đó là ai (?)”

Đức Phật nói: “Có duyên rồi sẽ gặp.”

Sau đó ông đi tìm hiểu, hỏi thăm và Ngài Ananda mới nói. Ông mới hẹn gặp ông triệu phú trong chùa trước mặt Thế Tôn. Ông muốn biết mặt mũi của người là dân thường mà ăn ngon hơn vua là ai (?). Món

LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

ăn ngon đến mức mà từ bé ông đã ăn bao nhiêu sơn hào hải vị nhưng chưa ngon như món ăn mà ông nghĩ Đức Thế Tôn đã đi bát ở Bắc Câu Lưu Châu.

Ít lâu sau, theo lời mời của vua, ông triệu phú vào chùa và Đức Thế Tôn đã thuyết một thời pháp. Sau khi nghe xong, ông triệu phú nói với những người đi chung: “Ta không còn đường lui nữa. Nếu ta không xuất gia, ta chỉ còn nước viên tịch.” Thế là ông đáp y và đã đắc được A La Hán. 57:01

[22/09/2023 - 10:06 - ngoc_ngopham]

Kinh Tướng,

Hôm qua, trong bài giải thích Kinh Thanh Tịnh, chúng tôi có dẫn đo - giảng xong rồi trong bụng không yên. Giảng xong rồi, nghĩ rằng thế nào cũng có người liếc mắt qua Kinh đó một chút, liếc mắt qua phần Chú giải rồi thắc mắc sao có một số chuyện thấy rõ ràng, chúng tôi lại không nhắc tới.

Vì mục đích chính của chúng tôi ngày hôm qua là giảng nội dung cốt lõi của Kinh còn phần râu ria, chúng tôi không nhắc tới. Nhưng suy nghĩ lại, chúng tôi cũng nên nhắc một chút.

Tức là ngày hôm qua, duyên sự bài Kinh trong Chú giải nói rằng ông Giáo chủ Nigantha Ni Kiền Tử mất có để lại trong một sự rối loạn trong môn đồ giáo chúng.

Rồi Ngài Cunda là em út của Ngài Xá Lợi Phất trong lúc đi khát thực có nghe được râm ran tin tức ông Giáo chủ mất và câu chuyện đấm môn đồ, giáo chúng bị tan rã, phân ly, chia rẽ.

Ngài về và thừa lại với Ngài Ananda.

Ngài Ananda nói: “Đây là một sự kiện lớn, chúng ta phải trình với Đức Thế Tôn. Bởi vì chắc chắn từ chuyện này, chúng ta sẽ có được một Pháp thoại.”

Trong Chú giải có kể thêm, Ngài Xá Lợi Phất và Ngài Ananda có một giao tình rất đặc biệt với nhau. Đặc biệt là sao? Hễ Ngài Ananda nhận đệ tử, Ngài sẽ thỉnh Ngài Xá Lợi Phất làm Hòa thượng tế độ, Hòa thượng bổn sư. Khi Ngài Xá Lợi Phất có nhận ai, Ngài sẽ giao cho Ngài Ananda, thường là như vậy, Ngài giao cho Ngài Ananda nhiều hơn cho Ngài Mục Kiền Liên.

Ngài Mục Kiền Liên và Ngài Xá Lợi Phất đúng là tri âm, tri kỷ, tri giao. Nhưng Ngài Mục Kiền Liên không có nhiều thời giờ để chăm sóc cho những chuyện mang tính thù tạc, xã giao như vậy. Ngài thường xuyên chìm sâu trong Thiền định hoặc Ngài vân du ba cõi, quần dương chỗ này chỗ kia. Đối với người như Ngài Mục Kiền Liên là người của vũ trụ, chuyện của Ngài làm mình không thể nghĩ bàn được - Đệ Nhất Thần Thông.

Do vậy khi Ngài Cunda có chuyện gì là Ngài chạy về thưa với Ngài Ananda vì Ngài Ananda là bạn thân của Đại Sư huynh mình - là Ngài Xá Lợi Phất - đồng thời cũng là Ngài Hòa thượng bổn sư.

Tiếp theo, trong Chú giải của Kinh Thanh Tịnh có kể một chuyện liên hệ về Ngài Ananda mà chúng tôi thấy không cần thiết nên chúng tôi bỏ qua luôn.

Tức là, không riêng gì Ngài Cunda, những vị Tỷ kheo khác, đối với Ngài Ananda, họ xem Ngài Xá Lợi Phất giống như người thay thế Đức Phật khi Đức Phật vắng nhà. Sau Ngài Xá Lợi Phất, họ xem Ngài Ananda cũng là người họ có thể hỏi han về Giáo lý vì Ngài rất dễ gần, rất friendly, so với các vị

Tôn túc khác, Ngài là người dễ gần nhất, Ngài rất là mềm, rất là ngọt, rất là ấm.

Đồng thời, trong Chú giải, chỗ đó có kể thêm một tình tiết nhỏ.

Một hôm, có một ông Bà La Môn đến hỏi Đức Phật: “Con đã cúng dường Phật Bảo rồi - tức là con cúng dường cho Thế Tôn, con cúng dường cho Tăng Bảo rồi - cúng dường cho các Tỷ kheo rồi. Nhưng con không biết cúng dường cho Pháp Bảo như thế nào?”

Đức Thế Tôn dạy là: “Hãy cúng dường cho các vị Đa văn.” -

Đa văn có nghĩa là một câu văn, một câu kệ có thể hiểu theo nhiều lớp khác nhau- hiểu theo Atthakathā, hiểu theo Tikā, hiểu theo Kinh Tạng, hiểu A tỳ đàm, hiểu theo Luật.

Ông Bà La Môn hỏi: “Vị nào là vị Đa văn theo Giáo Pháp của Ngài?”

(Chỗ này là chỗ rất đáng để lưu ý.)

Thay vì nói thẳng, Đức Thế Tôn nói: “Người hãy đi hỏi các Tỷ kheo trong các đệ tử của Như Lai ai là người Đa văn.”

Sau khi được ông Bà La Môn hỏi, Chư Tăng đều chỉ về Ngài Ananda.

Ông mới đem một bộ y rất là đắt tiền đến cúng cho Ngài Ananda - gọi là cúng dường Pháp Bảo.

Ngài Ananda mới cầm lá y lên, Ngài suy nghĩ, nếu muốn cúng dường Pháp Bảo phải cúng cho Ngài Xá Lợi Phất hoặc cúng cho Thế Tôn chứ không phải cúng cho mình. Thế là Ngài đem bộ y dâng lại cho Ngài Xá Lợi Phất. Nhưng trước đó Ngài trình Đức Phật: “Bạch Thế Tôn, theo qui định Tỷ kheo phải giữ y dâng. Nhưng vì bộ y này rất quý, con muốn cúng cho Ngài Xá Lợi Phất nhưng theo Luật là không được, vậy con phải làm sao?”

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐÍNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Đức Phật nói: “Được, được. Ta cho phép, trường hợp nhận y ngoại thời là được.” (thời của mình gọi là y ‘secours’).”

Nhân chuyện này, Đức Phật mới cấm chế, cho các vị Tỳ kheo một lối thoát nhỏ xíu - ngoài y căn bản ra, các vị được phép nhận một y dư để phòng ngừa bị mưa, chuột cắn, bị dơ bất ngờ .v.v.

Các vị nhớ điều này rất là quan trọng.

Hôm qua, chúng tôi phân vân khi đang giảng Kinh có nên nhắc chi tiết này hay không (?) bởi vì đối với một số Phật tử là thừa nên bỏ qua. Nhưng sau khi nghĩ lại có hai điều: một là người ta không có dịp để biết; hai là người nào biết, họ nói mình giảng thiếu.

Bây giờ, mình qua Kinh khác. Đó là Tướng Kinh - Lakkhana Sutta

Tướng Kinh trong Kinh điển mình khác ngoài đời chỗ này.

Ngoài đời, như Ma y Thần tướng bên Tàu chẳng hạn, người ta chỉ nói chung chung hoặc lấy kinh nghiệm từ đời này qua đời khác đúc kết lại. Mỗi người đúc kết một kiểu khác nhau nhưng không rõ như là Kinh Phật.

Theo tinh thần Kinh Phật, cơ thể chúng ta như thế nào, bên ngoài có biểu hiện tương ứng. Không chỉ riêng về sức khỏe của mình biểu hiện qua màu da, màu tóc, móng tay, tóc, qua mùi hơi thở... đến cả thời tiết, khí hậu cũng ảnh hưởng lên cơ thể của mình. Ví dụ như mình ở xứ lạnh nhưng không dùng kem thoa da khô, kem dưỡng môi... ta cũng bị ảnh hưởng...

Theo Kinh Phật, tiền nghiệp cũng để lại những dấu ấn trên cơ thể chúng ta và hiện nghiệp, tình trạng tâm lý trong hiện tại cũng để lại dấu ấn trên cơ thể chúng ta. Trong A tỳ đàm gọi đó là Tâm tạo Sắc tâm.

Tôi nhắc lại thực phẩm, thời tiết, tình trạng sức khỏe để lại dấu ấn trên cơ thể mình. Tiền nghiệp quá khứ, tâm trạng buồn vui, thiện ác hiện tại cũng để lại những dấu ấn trên cơ thể chúng ta. Và, trong bài Kinh này, chỉ đặc biệt nói nhiều về một trường hợp là Tiền nghiệp. Là sao? Tiền nghiệp là nghiệp thiện ác đời trước hoàn toàn để lại những dấu ấn, những tín hiệu trên tám thân đời này.

Đặc biệt ở cõi Dục giới - tức là Chư Thiên ở cõi Dạ ma, Đâu suất, Hóa lạc thiên... hoặc là Nhân loại, các loại bàng sanh, nói chung là cõi Dục giới, dấu vết của Tiền nghiệp hằn lên sắc diện của mình rõ hơn ở cõi Sắc và Vô sắc.

Vô sắc khỏi nói rồi vì họ đâu có Danh Sắc Tướng.

Cõi Sắc giới, hầu như các vị đều giống nhau hết, chỉ khác nhau ở các vị Phạm Thiên có hào quang nhiều hoặc ít.

Còn riêng ở cõi Dục, dấu hằn của Tiền nghiệp để lại trên thân xác của chúng ta rõ lắm.

Thí dụ như: các vị còn nhớ vị Tiên trên trời tên (tiếng Pali)... Sikha - tóc đào, tóc mặn, tóc có năm chòm (như hình các đứa bé trong Phúc Lộc Thọ của Tàu hay của người Nam bộ xưa...). Trên cõi Đạo Lợi có một vị Trời có năm chòm tóc như vậy. Do Tiền nghiệp xưa, ông chết trẻ ở cõi người, ông làm nhiều công đức, phụng vụ... ông chết đi trong một tâm hồn thơ dai, hồn nhiên, thơ ngây, tin cậy, tin yêu cuộc đời... và ông ra đi ở tuổi đó nên khi về Trời ông có một thân xác tương ứng.

Vậy nên Tiền nghiệp để lại một dấu hằn trong ngoại diện của chúng ta.

Chú giải có viết về Duyên sự của Kinh này.

Hôm đó, Ngài Ananda đi bát và nghe người ta nói nhiều về Hào tướng của Thế Tôn: Trong các vị Giáo chủ Thế Tôn là người đặc biệt nhất, là người đẹp nhất... Và Ngài Ananda về thưa với Đức Phật.

Nhân duyên sự đó, Đức Phật giảng về Tướng Kinh.

Tất cả Chư Phật trong ba đời, mười phương đều có hào tướng giống nhau. Nhân chuyện kể lại của Ngài Ananda, Đức Phật giảng cho Chư Tăng nghe về Tướng tốt của Chư Phật.

Tướng 1: suppatitthiapāda:

1.Mô tả Tướng: suppatitthiapāda - lòng bàn chân bằng phẳng giúp việc đi đứng vững vàng hơn thường.

Ngài đứng vững hơn bình thường, Ngài đi cũng vững hơn bình thường.

Người như mình, lòng bàn chân bị lõm (phát âm của người Bắc), hõm (người Nam).

Trong Kinh nói, nếu Ngài muốn, bàn chân của Ngài cũng giống như con dấu, có thể in dấu lên nền đất ướt, mịn như ta đóng dấu, đóng mộc. Người nhân loại như mình để bàn chân lên sẽ bị lõm.

2.Tiền nghiệp: dalhasamadano - đạo hạnh kiên trì, đã phát tâm không thoái thất.

Dalha = stable; samadāna = practice, virtue. Nghĩa là đạo hạnh của các Ngài rất là stable.

Ví dụ trong đây có nói Ngài đã thọ bát quan rồi, trời có sập xuống, Ngài cũng không hủy những Giới mình đã ... Bồ thí cũng vậy, Ngài đã có lòng bồ thí - mỗi tháng bao nhiêu lần, cho ai (??), Trời có sập Ngài cũng không đổi ý.

Còn như mình, có lòng phát tâm, nhưng khi nghe ông nói ra, bà nói vào là mình do dự. 19:56

LƯU Ý: BẢN NHÁP CHƯA HIỆU ĐỈNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

Trong Kinh kể lần đó có một vị Độc Giác vừa xả Thiên Diệt, Ngài suy nghĩ: “Hôm nay ta sẽ nhận được thực phẩm của ai? Vì nếu không có thức ăn trong hôm nay, ta sẽ viên tịch.”

Và nhìn quanh, Ngài thấy một việc rất ly kỳ - Ngài thấy trong cả hành tinh này (nghe câu chuyện này rất xúc động nếu các vị có lòng tin Phật), bất cứ nơi nào Ngài đến cũng không nhận được thức ăn.

Vì sao vậy? Vì ác ma hôm đó có ý phá Ngài, phá như thế nào (?)

1. Che khuất không cho thấy Ngài;

2. Dù có thấy cũng làm lơ, không nghĩ đến chuyện để bát;

3. Khi ai cố ý li lợm, kiên tâm để bát, ác ma sẽ làm đủ trò dọa họ kinh sợ để họ không dám để bát.

Và Ngài biết hôm nay trong trời đất này chỉ có một Người duy nhất sông cạn đá mòn không bỏ Ngài (đọc chỗ này rất là thương)

Thế là Ngài ôm bát đi thẳng đến nhà ông Bá hộ - Ông Bá hộ này đã tu tập nhiều đời, nhìn thấy Ngài phát tín tâm.

Lúc đó ác ma dùng thần thông ám tâm ông nhưng không được, che mắt cũng không được, đã che cho ông đừng nhìn Ngài, nếu có thấy phải làm lơ nhưng ông Bá hộ vẫn không lơ. Ông Bá hộ vẫn phát bồ đề tâm cúng cơm cho Ngài. Ác ma mới nghĩ, bây giờ đòn quyết liệt khi ông Bá hộ cầm bát cơm ra để bát, khoảng cách với Phật Độc Giác còn khoảng năm bước, giữa hai người có một cái hố đầy than đỏ rùng rục như là đất bị nứt và lửa xanh thẳm dưới địa ngục phun lên.

Ông Bá hộ - chính là Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni - nhìn thấy hố lửa là Ngài biết có chuyện rồi, và Ngài nghĩ rất nhanh đến một chuyện rất đẹp: “Hôm nay ba Bạc Đại nhân sẽ gặp nhau: Bạc Đại Giác là một vị Đại nhân; Bản thân mình nếu sợ chuyện này, mình cũng rất tầm thường. Đặc biệt là mình không sợ. Tên ác ma nào dám đụng đến vị Độc Giác cũng không phải là ác ma tầm thường. Cho nên mình không thể nào rút lui khỏi con số Ba đó được. Vì hôm nay mình rút ai sẽ cứu mạng cho vị Phật Độc Giác này.”

Nghĩ như thế, Ngài mới nói với vị Phật Độc Giác: “Con có vì bữa ăn này cúng dường cho Ngài mà con dọa Địa ngục, con cũng cúng, chứ đừng nói đến chuyện con té xuống hố này và chết.”

Nói vừa xong, Ngài Bồ Tát ôm bát cơm đi thẳng qua hố than !!!

Còn mình thì sao.

Sáng nay phát tín tâm muốn làm gì đó: bố thí, cúng dường, trì giới... rồi vợ kêu, chồng réo, con khóc, hàng xóm điện thoại, bạn bè email, facebook ... làm cho tín tâm dao động, trí tuệ lu mờ, lòng hoan hỷ tan tác như hoa rơi trước gió - đó là kiêu tu của mình.

Còn Ngài thì không, Ngài nói, hôm nay có vị ba vị Đại nhân nên ta không thể rút lui khỏi sự vụ này và ôm bát đi thẳng qua hố than.

Dĩ nhiên các vị biết Đức Phật Độc Giác đứng ở đó làm sao để cho vị Bồ Tát bị chuyện được.

Trong Kinh nói, dù cho là Tam thiên, Đại thiên thế giới, nếu không phải là Nghiệp đời trước thì thần thông của vị Độc Giác, Phạm Thiên, Ma Vương, Đế Thích có xếp hàng cũng chưa bằng cái móng tay của Phật Độc Giác.

Nên khi Vị Phật Độc Giác nhận được bát cơm, ngay trước mặt Ngài đọc tụng bài kệ Tùy hỷ công đức.

Ngài đi về ... để chia lại cơm cho năm trăm vị khác.

Ác ma thiên tử lập tức biến mất và biết rằng hôm nay trong cuộc hội ngộ giữa ba vị Đại nhân này mình là người thua cuộc.

Dalhasamadano là phát nguyện rồi là tín tâm bất thối.

Chính vì vậy, với tiền nghiệp tạo hạnh kiên trì, đã phát nguyện là không bao giờ thối thất. Do tiền nghiệp đó đời sau Ngài sinh ra có lòng bàn chân bằng phẳng, đi đứng vững vàng hơn người.

Và tác dụng phụ của người có bàn chân, có tướng này là làm được việc gì?

3. Hiện báo: có đông tùy chúng (người tháp tùng), bát bộ thiên long, trời người, muông thú

Tướng 2: Padatalacakka - lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn cãm

1. Mô tả: lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn cãm, ngàn cái vân. Trong Kinh còn nói có hình hao hao như 108 con thú vậy - chuyện đó li ti mình không nói.

2. Tiền nghiệp: gánh nạn cho đời. Dưới lòng bàn chân của Ngài có hình bánh xe cho thấy tiền nghiệp của Ngài thường đem lại sự an lành và an tâm cho người khác. Thí dụ, trong nhiều kiếp, Ngài dắt người ta đi buôn, đi chạy giặc, đi lánh nạn... lúc nào có Ngài, nguy hiểm cũng về phía Ngài và Ngài gánh. Lại vậy đó. Mỗi lần gặp chuyện, chỗ nguy hiểm là Ngài đứng đó, Ngài lấy thân Ngài trấn chỗ đó cho mọi người thoát nạn. Không như mình cứ thích đứng đầu nhưng có chuyện lại bỏ chạy. Còn Bồ Tát Chánh Đẳng Giác thì không, cứ dẫn đầu và nguy hiểm là xông pha lửa đạn, đầu sóng ngọn gió, lúc nào cũng đi đầu gánh nạn cho dân quần chúng sanh.

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

3.Hiện báo: Chính vì vậy, Ngài có được Tướng này nên luôn được sống lâu, trường thọ.

Tướng 3: ayatapannhi

1.Mô tả: gót chân dài hơn người.

2.Tiền nghiệp: hạn chế tối đa việc sát sanh như có thể (như có thể: né được bao nhiêu thì né)

Sẵn đây tôi nói cho bà con nghe một chuyện hết hồn chơi cho vui.

Thời gian Bồ Tát Ngài phát nguyện trở thành Chánh Đẳng Chánh Giác, hành trì Ba la mật, thời gian đó - chuyện này không thể không nói, không nói bà con không nghe bà con không nể, phải nể Ngài mới được - tổng thời gian Ngài phát tâm nguyện trở thành Phật Chánh Đẳng Chánh Giác cho đến lúc Ngài thành Phật, thời gian Ngài làm cư sĩ nhiều gấp ngàn tỉ lần thời gian Ngài xuất gia.

Vì sao? Chúng ta có không biết gì đi nữa, trong suốt 4 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp chỉ có 25 vị Phật thôi. 1 A tăng kỳ = 10140,. Không biết bao nhiêu đại kiếp mà nói, Phật chỉ có 25 mà không phải gặp Phật nào Ngài cũng đi xuất gia. Dầu cho Phật có Niết bàn rồi Ngài đi xuất gia, tổng cộng lại số lần Bồ Tát làm Tỳ kheo hoàn toàn có thể đếm được. Dĩ nhiên, mình chỉ kể thời gian Ngài hành ba la mật thôi, còn vòng sinh tử luân hồi vô số kiếp dài quá - nước mắt mình nhiều hơn nước biển, sữa mình bú mẹ nhiều hơn bốn biển, máu và mồ hôi mình đổ ra nhiều hơn bốn biển. Trong thời gian Ngài làm Bồ tát, thời gian Ngài xuất gia hiếm hơn thời gian Ngài làm cư sĩ - chỉ là 1 phần nhiều tỉ. Cho nên việc Ngài hạn chế sát sanh là mình phải nể nhiều lắm bởi vì cư sĩ mà hạn chế sát sanh không dễ.

Sẵn đây, tôi nói luôn, nhiều Phật tử mình cứ nghĩ rằng, tôi vô phước vô phần mới làm cư sĩ, tôi phải chấp nhận có chồng, có vợ có con, tôi có quyền đốt Phật pháp, tôi có quyền dễ người - đó là nghĩ tào lao. Vì sao? Thứ nhất, trên đường sinh tử luân hồi, Tăng và tục giống nhau y chang, có khác nhau là ở cái đầu tóc thôi. Nghĩa là, nếu người cư sĩ mà tu tinh tấn cũng không khác gì Tăng. Chính vì vậy, bây giờ này ra một sự kiện là Tỳ kheo Ni đã mất rồi mà đấu tranh làm chi, một khi anh muốn tái hiện, khôi phục Tỳ kheo Ni, anh phải hội đủ các điều kiện, nhưng nếu không có đủ điều kiện thì đừng làm chi. Đồng thời người nữ có lòng tu tập cũng có thể tu ngon lành. Cho nên mình chỉ nhớ là hình thức là cư sĩ nhưng một khi đã muốn rồi là tu hành không thua ai hết.

Bằng chứng là trong thời gian Bồ tát hành ba la mật, 99% thời gian là cư sĩ.

Chuyện này quan trọng nên coi Kinh phải hiểu và suy lý, đừng coi Kinh như em bé mẫu giáo là không được.

3.Hiện báo: đời này đao thương bất nhập, bách độc bất xâm.

Đề Bà Đạt Đa có ý giết Ngài đã dùng trăm mưu ngàn kế. Ông thuê 16 sát thủ chuyên nghiệp nhưng không giết được. Rồi thả voi điên, cũng không giết được. Rồi ông cho thả đá, nhưng Ngài chỉ bị một mảnh vụn nhỏ xíu xém nhẹ dưới chân chảy máu hơi nhiều. Chỉ vậy thôi.

Riêng chuyện này để lại nhiều giai thoại, vết thương đó, viên đá mẻ phang vô đầu ngón cái sưng lên, ông lương y Jivaka dùng dao rạch lấy máu bầm, rồi bó thuốc cho Ngài. Ông bó bằng một loại thuốc đặc biệt, có khả năng sát trùng, làm lạnh. Nhưng có điều thuốc đó phải tháo ra trong thời gian bao nhiêu tiếng đó và ông đi, xui một chỗ là khi ông đi vào trong Thành, ông mới quên, lúc trở ra thì Thành đóng cửa. Ông phân vân không biết làm sao, lòng lo âu của ông đã chiêu cảm được Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bèn nói Ngài Ananda tháo thuốc ra, để lâu nó hành vết thương. Lúc ra được Thành, gặp Đức Phật ông vui quá và nói: “Con thương Đức Thế Tôn nên con lo chứ con biết Đạo Sư của con tự xử lý được.” 40:45

Tướng 4: sattussadatāla

1.Mô tả: không bị khuyết lõm ở bảy (7) điểm thường thấy ở người khác. Satta: bảy; ussada: hõm, lõm.

Ngài tròn đầy ở bảy chỗ, Ngài không bị ở hai tay, hai chân, thân hình không bị hõm. Ví dụ các vị đứng thẳng người, rồi tôi rót nước đổ từ trên xuống, thế nào cũng có chỗ đọng nước ở hai hốc vai (hai cái hang cua). Ngài thì không, lòng bàn tay, lòng bàn chân hoàn toàn tròn đầy không có chỗ lõm.

2.Tiền nghiệp: Ngài thảo ăn nghĩa là thường tìm dịp bố thí món ngon vật lạ, trên cả thảo ăn nữa.

Có ba loại bố thí: 1. nô lệ thí (dasadana)- cho thứ kém hơn món mình dùng; 2. bằng hữu thí (sahayadana)- mình dùng cỡ nào mình cho cỡ đó; 3. chủ nhân thí (samidana) - mình bố thí cái tốt hơn thứ mình xài.

Sami có 2 nghĩa là ‘chồng’ và ‘chủ’. Ngay cả bên tiếng Đức hay tiếng Anh có một điểm đặc biệt là chữ Men có 2 nghĩa ‘đàn ông’ theo giới tính, hay ‘đàn ông’ trong quan hệ hôn nhân tương tự như chữ Sami.

Trong tiếng Pali có nhiều từ đặc biệt, ví dụ như từ padacariya - pada là ‘chân’; padacariya là ‘người hầu hạ dưới chân’ đồng nghĩa với dara là ‘vợ’; bhariya có nghĩa là ‘người gồng gánh cái gánh nặng bên giang sơn nhà chồng’, còn có nghĩa nữa là ‘gánh nặng cho chồng’.

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Vậy mình nhớ, Bồ Tát rất thảo ăn, thường cho người khác thứ tốt nên ở kiếp chót Ngài sanh ra có được Tướng như vậy.

3. Hiện báo: được nhận những thứ sơn hào, hải vị đời này. Trong Kinh nói, bữa ăn nào của Thế Tôn cũng có Chư Thiên trong vô lượng vũ trụ đem đồ ăn bỏ vào trong đó. Đặc biệt như vậy. Và Thế Tôn được cúng dường thức ăn nhiều vô số kể.

Cách đây một hai hôm tôi có kể cho một cô Phật tử nghe câu chuyện này.

Lần đó, có một lễ hội kéo dài bảy ngày, nam thanh nữ tú, dập dìu tấp tểnh từ giai nhân, ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Mọi người tràn ngoài phố đi chơi, ca hát, nhậu nhẹt, la giỡn um sùm...

Phật tử như ông Cấp Cô Độc, bà Visākhā, ông Jīvaka... vô chùa lạy Phật: “Bạch Thế Tôn, đang dịp lễ hội nên ngoài đường đang tập trung vui chơi. Chúng con xin Đức Thế Tôn và Chư Tăng tại vị ở chùa. Chúng con sẽ tùy duyên gom góp thực phẩm cúng dường vì ra đường rất là bất tiện. Có thể có những sự phạm thượng, mạo phạm đến Tăng chúng và Thế Tôn.”

Đức Phật nhận lời, và không đi: “Nếu vậy, Như Lai ở nhà.”

Bữa đầu tiên, Ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ: “Người ta vô tình như vậy nhưng không biết có cúng không (?) Thôi thì bữa nay, ta sẽ là người đầu tiên cúng dường Đức Thế Tôn.”

Tại sao Ngài Mục Kiền Liên lại có suy nghĩ như vậy ?

Bởi vì Đức Thế Tôn có những người đệ tử ... và xuất sắc. Họ đến họ thỉnh Ngài thế này: “Thưa Ngài, từ đây cho đến lúc Ngài tịch; từ đây cho đến lúc con chết; từ đây cho đến lúc con tán gia bại sản, tiêu tan sự nghiệp. Nếu khi nào ba điều này chưa xảy ra, con sẽ không thỉnh Ngài lần nào nữa. Bất cứ khi nào Ngài cần bất cứ thứ gì về thực phẩm, thuốc men, trú xứ, y áo... con lạy Ngài nói thẳng với con chứ không yêu cầu từng món, - những Vị như Đức Phật, Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ananda, Ca Diếp đều có những vị Đệ tử ... như vậy đó - thỉnh một lần thôi. Đặc biệt có những lần khó xử Ngài không tiện nói ai, Ngài cứ đến đập cửa nhắc con. Đó là Ngài cho con chứ không phải con cúng Ngài.”

Hôm nay cũng vậy, Ngài Mục Kiền Liên nghĩ trưa nay Thế Tôn dùng gì (?) Ngài nghĩ hôm nay ta sẽ cúng dường Thế Tôn và ôm bát đi thẳng đến nhà ông Đệ tử ruột, đến nơi Ngài chỉ đứng trước nhà không nói gì cả (không phải như mình tưởng tượng Ngài sẽ đi thẳng vào nhà...). Phật Pháp có luật buộc vị Tỳ kheo luôn luôn sống khách sáo.

Vị Đệ tử thấy Ngài đứng trước nhà, mừng quá, ra rước bát vào. Ông mới kêu người đầu bếp làm bữa ăn ‘thiên thượng thiên hạ’, chỉ một món đó thôi, chỉ một người đó thôi. Bữa ăn nấu xong ông đặt vào bát cúng dường cho Ngài.

Khi Ngài nhận xong, ông thấy hình như Ngài có vẻ Ngài muốn đi (Pali gamanakarana), ông mới hỏi: “Tại sao Ngài không dùng mà lại đi?”

Ngài Mục Kiền Liên trả lời: “Hôm nay Đức Thế Tôn không đi bát nên ta đem về cúng dường cho Đức Thế Tôn.”

Ông liền nói: “Thưa Ngài, Ngài chỉ cần nói một tiếng, năm phần mười phần còn có. Tại sao Ngài làm khó con làm chi? Con thỉnh Ngài ở đây dùng giùm con, con sẽ chuẩn bị phần khác.”

Ngài dùng xong rồi, ông mới rửa bình bát thật sạch rồi mới để phần ăn thứ hai vào cúng cho Ngài và Ngài đem về dâng cho Phật. Phần thức ăn đó hơi nhiều.

(Sẵn đây tôi nói một số chuyện bà con chắc chưa có dịp nghe. Là mình, thời mình mang tiếng đi bát, thực ra mang về, mình lựa món nào thích mình mới ăn, món nào ok ăn trước, có món để lại, có món ăn sau).

Nhưng trong Kinh nói, Ngài ăn lần lượt từ trên xuống, gặp món gì trước Ngài dùng trước món đó. Ăn như vậy để cầu no chứ không phải cầu ngon. Đó là những chuyện mà mình không biết.

Phần ăn Ngài Mục Kiền Liên đem về cúng dường hơi nhiều, Đức Phật dùng không hết. Lẽ ra Ngài để lại cho Ngài Ananda rửa bát nhưng không, Ngài nói Ngài Ananda để lại đó.

Trong vòng ba seconds sau ông vua A Xà Thế vô hầu Phật.

Vua hỏi: “Bạch Thế Tôn, Ngài đã dùng ngọc chưa?”

Thế Tôn trả lời: “Như Lai đã dùng.”

Vua A Xà Thế nói: “Bạch Thế Tôn, con nghe mùi thức ăn thơm quá nên con cảm thấy đói bụng.”

Đức Phật nghe vậy liền nói Ngài Ananda đem phần thức ăn dư trong bát ra cho vua A Xà Thế. Vua ăn phần cơm dư của Đức Phật, vừa ăn vừa ngạc nhiên bởi vì thức ăn quá sức ngon.

Vua mới hỏi: “Có phải hôm nay Thế Tôn đi khát thực ở Bắc Câu Lưu Châu không?” - nghĩa là đi nhận thức ăn ở một hành tinh khác chứ không phải ở đây.

Đức Phật trả lời: “Không. Thức ăn của một người cư sĩ ở ngay trong thành phố này, là thần dân của Đại vương đó.”

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN

Vua nói: “Con không thể nào tưởng tượng được ngay trong thành phố này dưới chân Thiên tử là con, có một gã thường dân ăn ngon hơn vua nữa. Con rất muốn biết người đó là ai (?)”

Đức Phật nói: “Có duyên rồi sẽ gặp.”

Sau đó ông đi tìm hiểu, hỏi thăm và Ngài Ananda mới nói. Ông mới hẹn gặp ông triệu phú trong chùa trước mặt Thế Tôn. Ông muốn biết mặt mũi của người là dân thường mà ăn ngon hơn vua là ai (?). Món ăn ngon đến mức mà từ bé ông đã ăn bao nhiêu sơn hào hải vị nhưng chưa ngon như món ăn mà ông nghĩ Đức Thế Tôn đã đi bát ở Bắc Câu Lưu Châu.

Ít lâu sau, theo lời mời của vua, ông triệu phú vào chùa và Đức Thế Tôn đã thuyết một thời pháp. Sau khi nghe xong, ông triệu phú nói với những người đi chung: “Ta không còn đường lui nữa. Nếu ta không xuất gia, ta chỉ còn nước viên tịch.” Thế là ông đáp y và đã đắc được A La Hán. 57:01

[25/09/2023 - 07:01 - ngoc_ngopham]

Cho nên Đức Thế Tôn có cái phước lạ lắm, Ngài nhận được sơn hào hải vị từ chúng sanh.

Có một chuyện mà tôi nghĩ quý vị cũng đồng ý và cũng tin như tôi. Nếu hôm nay mà trong zoom này gồm quý vị và tôi được gặp Đức Thế Tôn, các vị tướng tượng, cái mà chúng ta cúng cho Ngài cũng phải là cái tốt nhất, đúng không? Thậm chí, tôi nghĩ, tôi cúng cho Ngài bữa ăn mà tôi có chết tôi cũng không sợ mặc dù tôi rất nhát. Tôi có niềm tin lạ lắm, nếu đó là vị Chánh Đẳng Giác thì tôi có chết trước mặt Ngài tôi cũng không sợ nữa. Nói vậy có nghĩa là tôi muốn cúng Ngài cái gì cũng được, tốt nhất trên đời. Quý vị tướng tượng trên đời này làm gì có con Người mà vì họ mình có thể chết cho dù là Đế thích, là Ma vương, là Phạm thiên. Tôi nghĩ cũng khó lắm, rất là khó. Vậy mà có một con người bằng xương bằng thịt, may mà mình chưa gặp mà còn nghĩ đến chuyện mình muốn chết trước mặt họ. Các vị tướng tượng giùm tôi, đáng để mình suy gẫm. Tôi đâu có biết Đức Phật là ai (?), Ngài là người Ấn độ và Ngài đã ra đi cách đây 25 thế kỷ. Trong bụng tôi nghĩ, nếu tôi có gặp Con Người đó, tôi có lăn ra chết trước mặt Con Người đó, các vị phải hiểu Con Người đó lạ lùng như thế nào 58:32

Tiếp theo.

Tướng 5: karacaranadi

1. Mô tả: làn da ở tay chân Ngài rất mịn, mềm mại

2. Tiền nghiệp: thường tu Tứ Nhiếp pháp (saggahavatthu) - bốn phép thu phục nhân tâm, chinh phục đại chúng: bố thí, ái ngữ, lợi hành.

a) Lòng hào sảng bố thí (dana): vung tay không tiếc, Ngài coi trọng người hơn của. Ngay cả làm sếp, làm chủ cũng nghĩ đến người dưới tay, dưới quyền.

b) Ái ngữ (peyyavacca): nói năng bằng từ tâm.

Quý vị

hãy đồng ý với tôi rằng trên đời có bao nhiêu phương tiện giao tiếp: ánh mắt, lời nói, cử chỉ lớn nhỏ nhưng cái nổi bật trong giao tiếp là ngôn ngữ. Chúng ta sống ở đời không thể không có giao lưu và ngôn ngữ là phương tiện tốt nhất để giao lưu. Nếu nhip câu giao lưu đó được xây dựng bằng từ tâm, thế giới này đẹp biết bao nhiêu. Peyyavacca ở đây không phải là chót lưỡi đầu môi mà là ngôn ngữ được phát biểu từ lòng từ bi và từ mẫn.

c) Lợi hành (atthacariya): làm gì cũng quan tâm đến người khác trước hết.

Có lần Đức Phật

đến thăm ba vị tu chung với nhau ở một nơi. Ngài hỏi: “Các người nhập hạ ở đây có an lạc không? Anh em có vui vẻ với nhau không?” Ba vị mới thưa: “Bạch Thế Tôn, chúng con ở đây rất an lạc, chỉ vì một lý do đơn giản là chúng con trong sinh hoạt thường ngày, chúng con luôn bỏ tâm mình để chạy theo tâm người.” Câu này chúng ta phải hiểu đằng hoàng chứ không có thể hiểu lầm. “Bỏ tâm mình chạy theo tâm người” có nghĩa là làm gì cũng nghĩ đến người khác, như làm việc gì cũng phải nghĩ người ta có phiền không, người ta có vui hơn không. Ngủ dậy thấy lu nước bị lung, một trong ba vị đi gánh đồ đây; mở mắt ra thấy sân bị dơ, lá rụng là tự động đi quét; nhìn trong nhà chỗ nào có bụi tự động đi lau, vì muốn cho hai vị kia vui; nhìn đâu cũng thấy vui. Hai vị kia cũng vậy.

Một người nghĩ đến muôn người, muôn người nghĩ đến một người, thế giới sẽ thành Tây phương cực lạc. Lợi hành là vậy, làm gì cũng nghĩ đến quyền lợi của người ta trước.

Thế giới này đâu

có trải đầy kim cương nhưng không có được những người có tâm lòng đó, ai cũng như ai, sống cứ nghĩ đến mình sẽ không khá nổi.

Bên Nhật có câu chuyện, có một anh ở

giây phút cận tử, mê sảng anh nằm mơ thấy có Quan âm Bồ tát đứng trên cao thòng sợi chỉ xuống chào lửa địa ngục. Anh thấy cũng đang trong chảo leo lên. Anh thấy sợi chỉ càng lúc càng căng, anh thấy dưới chân có người đang leo nên sợ sợi chỉ đứt và co chân đạp. Khi đạp người kia, anh ấy cũng rớt xuống. Vị Quan âm Bồ tát liền nói: “Sợi dây của ta có thể chịu hết tất cả người trong cái chảo đó vì ta là Bồ tát Quan âm, tuy chỉ là cái mạng nhện nhưng là cái mạng nhện của Quan âm Bồ tát, Tam thiên Đại thiên vũ

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ÁN PHỔ BIẾN

trụ ta còn chịu nổi mà. Nhưng sợi dây đó có chắc cỡ nào cũng không chịu nổi một người nhỏ mọn như con, người ta cũng khổ như con mà lòng dạ nào còn đập xuống, lòng con nặng như vậy thì dây nào chịu nổi.” Dù chỉ là câu chuyện ngụ ngôn nhưng cũng đáng cho ta suy nghĩ. Trong Kinh giải thích atthacariya: Atthacariyāyāti atthasamvaddhana. Làm gì cũng nhắm đến lợi ích của người khác.
d) Đồng sự (samanattata): Ngài đi đâu, cõi nào, nơi nào, lúc nào cũng chia vui, chia buồn, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, không bao giờ nhận phần tốt về mình, và chia phần dở, phần xấu cho người khác. Ở hội chúng nào, Ngài cũng đưa vai gánh phần nặng hơn, xấu hơn, tệ hơn, khổ hơn, khó hơn.

Trong Kinh giải thích samanattata:

samānasukhadukkhabhāvena: luôn chung vui, chia vui với người khác; không lánh nặng; tìm nhẹ; không đùn đẩy khó khăn, dở bản về phía người ta. Chính cho nhiều đời tu bốn pháp này. Muốn đứng đầu thiên hạ, muốn quán chúng, phục chúng nhưng không tu bốn pháp này là không thể được.

3. Hiện báo: khả năng phục chúng không ai bì được.

Tướng 6: Ussaṅkhapādā

1. Mô tả: Mắt cá tròn như con sò

2. Tiền nghiệp: Sống lợi tha như có thể

3. Hiện báo: Luôn đứng đầu thiên hạ dẫu ngoài đời hay xuất gia

Tướng 7: Eṇijaṅgha

1. Mô tả: Ông chân thon dài

2. Tiền nghiệp: Thói quen làm gì hay học gì cũng luôn tìm phương pháp tốt nhất để nhanh hơn, thu hoạch nhiều hơn, giúp nhiều người hơn.

3. Hiện báo: Đời này muốn được gì, muốn làm việc gì cũng mau chóng hơn người.

Nghĩa là theo tôi biết trong đời tu, trong cư sĩ có nhiều Vị lạ lắm. Họ có phúc nhưng cái gì đến với họ cũng chậm. Trước sau gì cũng mua được cái nhà nhưng bị trục trặc, lê thê, bị chuyện này chuyện kia...

Còn vượt biên, tôi biết có gia đình ở Sài Gòn đi tới 21 lần...

Riêng Ngài thì không, Ngài muốn cái gì là được sớm thành tựu.

Trong Kinh nói, có nhiều vị Trời, nghe địa cầu rung động nên hỏi nhau: “Tiếng địa chấn là do cái gì?” và được trả lời “Là do Bồ tát đản sanh.” Họ nói ngay: “Đề chúng tôi xuống hầu Phật.”

Vậy mà các vị tướng tượng, khi Đức Phật thành Đạo, Chuyển Pháp Luân không thấy ai hết. Đến hôm cuối cùng, họ nghe địa chấn lần nữa, họ hỏi: “Tiếng gì vậy?” và được trả lời: “Đêm nay Thế Tôn Niết bàn.” Họ nói: “Vậy hả?” Nghĩa là nghe địa chấn 10 ngàn thế giới, xuống được tới nơi là đêm cuối cùng, tính rờ, tính mò.

Cho nên bên Mỹ có câu “Không ăn đậu không phải là Mẽ. Không đi trễ không phải là người Việt Nam.” Đám cưới mời 10g nhưng 10g30 mới đến. Tôi có cơ hội ở gần người chậm tôi biết. Họ nói tôi ra xe ngồi họ ra liền, tôi ra xe chờ hoài, họ chưa ra. Tôi vào nhà mới biết. Họ đứng trong bếp, cầm lên, để xuống, họ mở tủ lạnh rồi đóng, đi vòng vòng... cả nửa tiếng. Nhiều lần như vậy thành thói quen. Chính vì vậy khi làm việc, họ không chọn cách nhanh nhất, tốt nhất.

Còn Ngài thì khác, khi làm việc hay học hành, Ngài luôn chọn cách nào nhanh nhất, đạt nhất, lợi ích nhất, nhiều thu hoạch nhất. Khi thành Phật rồi, cái gì Ngài cũng nhanh hơn người khác.

Tướng 8: Sukhumacchavi

1. Mô tả: Da của Ngài rất mịn, bụi không thể bám được

2. Tiền nghiệp: Luôn nghĩ đến nỗi khó khăn của người khác để tìm cách chia sẻ.

Ví dụ, Ngài thấy người ta giã gạo, thấy cái cối nặng, Ngài tội nghiệp. Thấy người ta dệt vải bằng khung cửi cũ, Ngài tìm khung cửi mới làm nhanh và đẹp hơn.

3. Hiện báo: Trí tuệ mau lẹ, sắc bén hơn người.

Tướng 9: Suvanṇavaṇṇa

1. Mô tả: Màu da của Ngài đẹp hơn người, sắc diện dễ coi.

2. Tiền nghiệp: Thường xuyên tham vấn hiền trí.

Nhiều người không có cái hạnh đó, mang thân người mà sống đơn giản, chỉ thích ăn ngon mặc đẹp. Thật ra đời sống mình không dừng lại ở đó, chỉ là một phần rất là nhỏ. Mình còn phải có đời sống nội tâm, phải cho tâm thông thoáng, đừng để cho nó ao tù. Người giúp mở mang đầu óc trên đời nhiều lắm nhưng mình không biết vì mình không có lòng học hỏi, không có lòng cần tham vấn. Nhiều người học ít cũng không hỏi, không thấy ai đáng để lắng nghe. Đạo Hồi có câu “Thượng Đế cho ta có hai tai, một miệng vì Ngài muốn ta nói ít hơn nghe.” Người Việt còn có một tánh là nghe một nửa, hiểu một phần tư mà kể gấp đôi. Như vậy làm sao mà khá nổi.

LƯU Ý: BẢN NHẬP CHƯA HIỆU ĐỊNH – XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN

Bồ Tát không có tánh đó nên khi thành Phật rồi Ngài có cái tướng đẹp như vậy.

Tướng 10: Kosohitavatthuguyha.

1.Mô tả: Mã âm tàng (chỗ kín như cửa ngựa). Kosa: nhà chứa, nhà kho; hita: lợi ích; kosohita: truyền giống; guyha: khuất lấp, kín đáo. Kosohitavatthuguyha: mã âm tàng, chỗ kín của Bồ Tát (vì tôn kính nên mình không nói của Phật), khi nào sử dụng mới có, không là tự nó mất giống như con ngựa. Tướng này là tướng đặc biệt, tướng sinh quý tử.

2.Tiền nghiệp: Luôn tìm dịp hàn gắn, nối kết những chia rẽ, phân ly của người khác. Nghĩa là thấy anh em, vợ chồng, chủ tớ... người ta xích mích đều tìm cách hàn gắn... Vì tâm lòng đó nhiều đời nhiều kiếp nên được tướng đó.

3.Hiện báo: có kẻ dưới - con, em, học trò, đệ tử, người làm, tướng sĩ ba quân, ... - thông minh anh dũng, xuất sắc hơn người. Nếu xuất gia, Ngài có đệ tử xuất sắc. Nếu ngoài đời, Ngài có những người con anh dũng phi phạm.

Hôm nay tôi giảng tới đây. Xin hẹn các vị.

Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành.